

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 8 - 2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình;

2. Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đ T B H, sinh năm 1976; địa chỉ: đường D, Khu phố 2, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông N V T – Công ty Luật A- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông H T L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 150/1, đường D, Khu phố 2, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn quen biết, thương yêu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân chung sống từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, Quyền số 02, ngày 25/8/1999. Hôn nhân giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện.

Những năm gần đây vợ chồng thường có mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau và bạo lực gia đình. Nguyên nhân có bị đơn có tính gia trưởng, vợ chồng lại bất đồng quan điểm

sống. Những lần như vậy bị đơn đánh đập nguyên đơn. Bị đơn nhiều lần hứa sẽ sửa đổi, vợ chồng hòa giải nhưng sau đó lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và bạo lực gia đình. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung, cháu lớn đã trưởng thành, khả năng lao động và nhận thức bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn. Nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung H B T, sinh ngày 12/01/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Nguyên đơn trình bày*: Thống nhất như lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn không có bổ sung gì thêm.

* *Bị đơn ông H T L tại Bản tự khai và hòa giải trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất về quá trình quen biết, kết hôn chung sống. Bị đơn xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và xảy ra cãi nhau đỉnh điểm có nhiều lần xảy ra cả bạo lực gia đình. Bị đơn xác định còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung H B T, sinh ngày 12/01/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng không tham nên phải chịu hậu quả khi từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện bị đơn đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Như vậy việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt các đương sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn yêu thương, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương năm 1998. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do các bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài đến mức nhiều lần xảy ra cãi vã và bạo lực gia đình. Vợ chồng không hòa giải, hàn gắn được tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn.

Bị đơn cho rằng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã và nhiều lần có cả bạo lực gia đình. Hiện tại bị đơn cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy có thể khẳng định, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, nhiều lần xảy ra bạo lực gia đình, kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hòa giải. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về con chung. Xét thấy cháu H B T, sinh ngày 12/01/2009 đang trong độ tuổi phát triển của tuổi vị thành niên có nhiều phát triển về tâm, sinh lý cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Mặt khác bị đơn thừa nhận có thực hiện hành vi bạo lực gia đình. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Để bảo bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên khi sau ly hôn cần giao cháu T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ T B H đối với bị đơn ông H T L về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ T B H được ly hôn với ông H T L.

- Về con chung: Giao bà T B H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung H B T, sinh ngày 12/01/2009. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Bà H và ông L đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ T B H phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041848 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường T, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý